

Số: 20/2024/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 17 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về cây trồng và canh tác;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định

số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Điện Biên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Điện Biên Phủ;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KTN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)



Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Điện Biên bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với trường hợp quy định từ Điều 9 đến Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2022/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Điều 3. Căn cứ xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là tình trạng của đất trước thời điểm bị đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm hành chính, được xác định theo một trong các căn cứ sau:

a) Giấy tờ về quyền sử dụng đất hợp pháp, chứng nhận về tài sản gắn liền với đất hợp pháp.

b) Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, cơ sở dữ liệu đất đai và các thông tin khác có liên quan như: bản đồ địa hình, hình ảnh, các thông tin liên quan do

người dân nơi có đất, người sử dụng đất liền kề, tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp.

c) Quy hoạch 3 loại rừng; hồ sơ diễn biến rừng, phân loại rừng.

d) Văn bản thanh tra, văn bản kiểm tra, biên bản hoặc văn bản pháp lý khác được cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xác lập, ban hành trước thời điểm vi phạm pháp luật về đất đai có thể hiện tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

2. Trường hợp có nhiều tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này thể hiện khác nhau về tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm thì xác định theo tài liệu có giá trị pháp lý cao nhất và được ban hành trước khi có vi phạm.

3. Trường hợp không có hoặc có các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không rõ ràng tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú tại nơi có đất trước hoặc cùng thời điểm xảy ra hành vi vi phạm pháp luật đất đai bị xử phạt vi phạm hành chính.

Chương II

MỨC ĐỘ KHÔI PHỤC LẠI TÌNH TRẠNG BAN ĐẦU CỦA ĐẤT ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI VI PHẠM

Điều 4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất; đất phi nông nghiệp sang mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép được quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

1. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc thực hiện di dời tài sản trên đất vi phạm và thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng tương đương với thửa đất ban đầu trước khi vi phạm hoặc các thửa đất trồng lúa liền kề để sử dụng vào mục đích trồng lúa.

2. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển mục đích đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.

a) Chuyển đất rừng đặc dụng là rừng trồng, đất rừng phòng hộ là rừng trồng, đất rừng sản xuất là rừng trồng sang mục đích khác (trong nhóm đất nông nghiệp hoặc sang đất phi nông nghiệp): Buộc thu hoạch cây trồng, vật nuôi; phá

dỡ các công trình, vật kiến trúc đã xây dựng trên đất; khôi phục lại mặt bằng như tình trạng ban đầu đủ điều kiện trồng rừng.

b) Chuyển đất rừng đặc dụng là rừng tự nhiên, đất rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên sang mục đích khác: Buộc thu hoạch cây trồng, vật nuôi, phá dỡ các công trình, vật kiến trúc đã xây dựng trên đất; khôi phục lại mặt bằng như tình trạng ban đầu của đất là đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất.

3. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển mục đích đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất theo quy định tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc thu hoạch vật nuôi thủy sản, di dời tài sản trên diện tích đất vi phạm và thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng tương đương với thửa đất ban đầu trước khi vi phạm hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm.

4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển mục đích đất phi nông nghiệp sang mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm đ, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc thực hiện di dời tài sản trên diện tích đất vi phạm và thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng tương đương với thửa đất ban đầu trước khi vi phạm hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm.

Điều 5. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa được quy định tại Điều 13 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác thì đối tượng vi phạm phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất để tiếp tục trồng lúa. Buộc di dời hoặc phá bỏ cây trồng không đúng cơ cấu; phá dỡ công trình, vật kiến trúc phục vụ nuôi trồng thủy sản và thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng tương đương với thửa đất ban đầu trước khi vi phạm hoặc các thửa đất trồng lúa liền kề để sử dụng vào mục đích trồng lúa.

Điều 6. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi lấn, chiếm đất được quy định tại Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

Lấn, chiếm đất thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại các điểm b, c khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP thì đối tượng vi phạm phải thực hiện khắc phục như sau:

1. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch nông thôn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì buộc đối tượng vi phạm giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính hoặc thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

2. Đối với trường hợp lấn, chiếm không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì buộc đối tượng vi phạm phải phá dỡ công trình, di dời tài sản trên đất và thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng tương đương với thửa đất ban đầu trước khi vi phạm hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm.

3. Trường hợp sử dụng đất được Nhà nước giao, cho thuê đất đã hết thời hạn sử dụng nhưng chưa được Nhà nước gia hạn sử dụng đất thì đối tượng vi phạm phải giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất.

Điều 7. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất được quy định tại Điều 15 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

1. Trường hợp làm biến dạng địa hình trong trường hợp hạ thấp bề mặt đất do lấy đất, đá dùng vào việc khác hoặc làm cho bề mặt đất thấp hơn so với thửa đất liền kề thì buộc phải thực hiện san lấp, khôi phục độ cao ban đầu của đất hoặc bằng thửa đất liền kề và thực hiện cải tạo đất để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm.

2. Trường hợp làm biến dạng địa hình trong trường hợp san lấp đất có mặt nước chuyên dùng, kênh, mương tưới, tiêu nước hoặc san lấp nâng cao bề mặt của đất nông nghiệp so với các thửa đất liền kề thì buộc phải thực hiện thu hồi vật liệu đã san lấp, trả lại hiện trạng ban đầu đối với đất có mặt nước chuyên dùng, kênh, mương tưới, tiêu nước; buộc phải hạ thấp, trả lại mặt bằng ban đầu hoặc bằng các thửa đất liền kề và cải tạo đất để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm.

3. Trường hợp làm suy giảm chất lượng đất trong các trường hợp làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác; làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lầy sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng... thì buộc thu hồi toàn bộ các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lầy sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác đã đưa vào bề mặt đất, thực hiện cải tạo đất tương đương với thửa đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

4. Trường hợp làm suy giảm chất lượng đất trong các trường hợp gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp thì buộc phải thực hiện các biện pháp chống xói mòn, rửa trôi và san lấp, cải tạo đất tương đương với thửa đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Điều 8. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác được quy định tại Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

Trường hợp gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác thì buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, cụ thể:

1. Đưa vật liệu xây dựng, các vật khác lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình mà gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác thì phải dọn sạch các vật liệu xây dựng và các vật khác để không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất bình thường của người khác.

2. Đưa chất thải, chất độc hại lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác thì phải thu gom, xử lý các chất thải, chất độc hại đó theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Đào bới, xây tường, làm hàng rào gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác thì phải san gạt lại diện tích đất bị đào bới; phá bỏ tường, hàng rào đã xây dựng để không còn ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

Điều 9. Kiểm tra và xác nhận hoàn thành việc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Người ra quyết định, cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc cơ quan được giao tổ chức thực hiện có trách nhiệm kiểm tra và xác nhận đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả về khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất bằng biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất vi phạm.

2. Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn kiểm tra, xác nhận.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt; tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để kịp thời xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.